TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 30/2025 /HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 8 - 2025
V/v tranh chấp xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4-TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Sơn**.
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông: **Lê Văn Tánh**.
2/ Ông: **Nguyễn Tiến Dũng**.
- Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Thanh Thúy** - Cán bộ TAND khu vực 4, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 11 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Đồng Tháp đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 253/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2024 về việc "Tranh chấp xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự.

1/ Nguyên đơn: Chị **Lê Thị D**, sinh ngày 01/01/1975; (có đơn xin vắng mặt)
HKTT: Ấp B, xã Đ, thị xã L, tỉnh Tiền Giang.
Địa chỉ trước đây: Ấp M, xã Đ, thị xã L, tỉnh Tiền Giang.
Địa chỉ hiện nay: Ấp H, xã P, tỉnh Đồng Tháp.
2/ Bị đơn: Anh **Phan Văn T**, sinh năm 1975; (vắng mặt)
Địa chỉ trước đây: Ấp B, xã Đ, thị xã L, tỉnh Tiền Giang.
Địa chỉ hiện nay: Ấp B, xã P, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/10/2024 và lời khai thể hiện có trong hồ sơ, nguyên đơn chị trình bày:* Do quen biết trước chị D và Anh Phan Văn T được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới với nhau vào tháng 11 năm 1997 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã L, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận kết hôn số 19, quyển số 01, ngày 10/8/2001. Sau khi cưới về chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm với anhu trong cuộc sống, sống với anhu không hạp tánh tình từ đó dẫn đến vợ chồng cãi vã nhau thường xuyên, anh T đánh đập chị D nhiều lần; vợ chồng ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng

từ cuối năm 2015 cho đến nay. Nay chị D yêu cầu xin được ly hôn với anh T vì cho rằng về tình cảm vợ chồng không còn nên đoàn tụ lại sống chung với nhau không hạnh phúc.

- Về con chung: 01 con tên Phan Thị Y, sinh ngày 02/7/2001. Hiện cháu Y đã thành niên và có khả năng lao động để nuôi sống bản thân nên chị D không đặt ra yêu cầu Tòa án để giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Bị đơn Anh Phan Văn T dù đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gởi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xác định đây là tranh chấp xin ly hôn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Việc vắng mặt nguyên đơn chị Lê Thị D, bị đơn Anh Phan Văn T. Xét thấy, nguyên đơn chị D có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh T đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt phía nguyên đơn chị D, bị đơn anh T.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn chị Lê Thị D: yêu cầu xin được ly hôn với Anh Phan Văn T. Xét thấy, Do quen biết trước chị D và anh Phan Văn T được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới với nhau vào tháng 11 năm 1997 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã L, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận kết hôn số 19, quyển số 01, ngày 10/8/2001. Sau khi cưới về chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, sống với nhau không hạp tánh tình từ đó dẫn đến vợ chồng cãi vã anhu thường xuyên, anh T đánh đập chị D nhiều lần; vợ chồng ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ cuối năm 2015 cho đến nay. Chị D vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai thể hiện trong hồ sơ là vẫn giữ yêu cầu xin được ly hôn với anh T vì cho rằng về tình cảm vợ chồng không còn nên đoàn tụ lại sống chung không hạnh phúc; phía anh T thì vắng mặt tại phiên tòa và cũng không có ý kiến gửi cho Tòa án. Xét thấy, trong thời gian Tòa án thụ lý vụ án, đã triệu tập phía anh T nhiều lần đến để hòa giải về việc chị D xin ly hôn với anh T. Nếu như về tình cảm vợ chồng, anh T muốn vợ chồng đoàn tụ lại thì anh T phải đến Tòa án để gặp chị D, để hòa giải về tình cảm vợ chồng xem có khả năng đoàn tụ hàn gắn lại được hay không nhưng phía anh T không đến, thể hiện anh T không còn quan tâm đến tình cảm vợ chồng đối với chị D. Ngoài ra, theo chị D khai thì chị D và anh T đã ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ cuối năm 2015 cho đến nay đã gần 10

năm. Cho thấy, về tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; nên Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D và cho chị chị được ly hôn với anh Phan Văn T.

[4] Về con chung: 01 con tên Phan Thị Y, sinh ngày 02/7/2001. Hiện cháu Y đã thành niên và có khả năng lao động để nuôi sống bản thân nên chị D không đặt ra yêu cầu Tòa án để giải quyết; nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Theo chị D khai không có nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết. Phía bị đơn anh T thì vắng mặt tại phiên tòa và cũng không có ý kiến gửi cho Tòa án, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để giải quyết. Nếu sau này phía anh T cho rằng vợ chồng có tài sản chung nhưng không tự thỏa thuận giải quyết được với anhu và có tranh chấp thì được quyền làm đơn khởi kiện bằng một vụ kiện khác khi có đơn yêu cầu.

[6] Về án phí: Chị Lê Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị D, cho chị Lê Thị D được ly hôn với Anh Phan Văn T.

2. Về án phí: Buộc chị Lê Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị D đã nộp theo biên lai thu số 0005202 ngày 22/11/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Cai Lậy; nên chị D đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Lê Thị D, bị đơn Anh Phan Văn T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi Nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 4, tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng THADS khu vực 4, tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã P, tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

(Đã ký)

Phan Thanh Sơn